TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/DS-ST
Ngày: 16 - 10 - 2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Đặng Quốc Cần

2. Bà Trần Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng: Không tham gia phiên Tòa.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp họ (hụi)* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 9năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Tuyết T, sinh năm 1979. Địa chỉ ấp L, xã L, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954. Địa chỉ ấp L, xã L, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2018 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Tuyết T trình bày:***

Năm 2011 bà có làm chủ hụi, bà Nguyễn Thị H tham gia 01 chân hụi mùa 2.000.000đ, một năm khuôi hụi 03 lần, ngày mở hụi 10/02/2011, đến tháng 02/2017

mãn hụi. Chân hụi này có 19 người tham gia.

Đến tháng 02/2012 bà H hốt hụi và đã nhận số tiền 19.200.000đ, trừ 1.000.000đ đầu thảo (huê hồng) còn lại bà H nhận 18.200.000đ. Như vậy, bà còn phải đóng 15 chân hụi chết là 30.000.000đ. Sau đó, bà H có đóng được 07 lần hụi số tiền 14.000.000đ. Đến nay bà H còn thiếu bà 08 chân hụi 16.000.000đ.

Nay yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà 16.000.000đ và trả 01 lần.

**** Tại biên bản hòa giải ngày 17/9/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Bà thừa nhận có tham gia chân hụi mùa mở vào ngày 10/02/2016, đến tháng 02/2017 mãn hụi. Đến nay bà còn thiếu bà T 08 lần hụi là 16.000.000đ nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi vụ lúa 1.000.000đ, một năm trả 3.000.000đ (theo 03 vụ lúa/năm) cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa: Bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà 16.000.000đ, trả 01 lần và không yêu cầu tính lãi.

Bà H thừa nhận đến nay còn nợ bà T 08 lần hụi là 16.000.000đ nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi vụ lúa 1.000.000đ, một năm trả 3.000.000đ cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Phạm Tuyết T yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho bà tiền góp hụi còn thiếu nên đây là tranh chấp dân sự về góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại ấp L, xã L, huyện R, tỉnh Kiên Giang nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Tyêu cầu bà H phải trả cho bà số tiền hụi còn thiếu là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng).

Xét yêu cầu của bà T thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự thừa nhận việc bà H còn thiếu bà T số tiền hụi 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận là sự thật.

Quá trình thực hiện hợp đồng đến nay bà H (là hụi viên) không thực hiện nghĩa vụ góp hụi cho bà T (là chủ hụi) nên đã vi phạm Điều 29 của Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về "Họ, hụi, biêu, phường" và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc bà T không yêu cầu tính lãi là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà H không trả đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng bà H còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Việc bà H xin được trả dần số tiền còn nợ không được bà T chấp nhận nên sẽ được giải quyết khi thi hành án.

[3] Về án phí:

Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà Phạm Tuyết T được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007139 ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự giá ngạch 16.000.000đ x 5% = 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về "Họ, hụi, biêu, phường;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Tuyết T. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà T số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà H không trả đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng bà H còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2].Về án phí:

Yêu cầu của bà Phạm Tuyết T được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007139 ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự giá ngạch 16.000.000đ x 5% = 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

[3].Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 16/10/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSNDhuyện Giồng Riềng;
- Chi cục THA DS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Lê Văn Hồng Chinh